IMPROVING THE LAW ON PRIVATE ECONOMY IN THE PROCESS OF SUSTAINABLE AND PROSPEROUS NATIONAL DEVELOPMENT

Ngo Quoc Ky[a]
Pham Van Dam[b]

[a,b]TrungVuong University

ROR ID: https://ror.org/05xzsm645

[a]Email: quockyngo@gmail.com

ORCID iD: https://orcid.org/0009-0002-2495-8814

[b]Email: luatsuhoangdam@gmail.com

ORCID iD: https://orcid.org/0009-0003-0978-6134

Article History

Received: 28/11/2025
Reviewed: 18/02/2026
Revised: 18/3/2026
Acceped: 26/3/2026
Released: 30/3/2026

DOI: https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i5.a91

Abstract:

The private sector plays a crucial role in market economies and has increasingly been recognized as a key driver of socio-economic development in Vietnam. Based on a review of domestic and international studies on the private sector, this paper analyzes its historical position, practical contributions, existing limitations, and reform requirements in the context of globalization and current global uncertainties. Employing qualitative research methods such as analysis, synthesis, comparison, and legal analysis, the paper examines the existing legal and policy framework governing private sector activities and identifies major institutional constraints. Accordingly, the study proposes policy and legal solutions to strengthen the private sector as a fundamental pillar of the national economy, contributing to sustainable development and long-term national prosperity.

Keywords: *Private Sector; Business law; Institutional reform; Enterprises; Economic policy.*

1. Đặt vấn đề

Kinh tế thị trường về bản chất là sự vận hành tổng hòa của nhiều thành phần kinh tế, trong đó khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) luôn giữ một vị trí then chốt. Nhìn lại lịch sử phát triển kinh tế thế giới có thể thấy rõ, kinh tế tư nhân hình thành, tồn tại và phát triển trước cả khi có sự ra đời của nhà nước và khu vực kinh tế nhà nước. Chính khu vực này đã tạo ra phần lớn hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy phân công lao động và vận hành nền kinh tế trong suốt tiến trình phát triển của nhân loại.

Ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, những tập đoàn tư nhân giữ vai trò nòng cốt, có quy mô tài sản và doanh thu vượt cả GDP của nhiều quốc gia khác. Có thể kể đến những tập đoàn khổng lồ như Apple, Microsoft, Meta, Hathaway, JP Morgan, ExxonMobil, Walmart (Hoa Kỳ); hay Alibaba, Huawei (Trung Quốc); Formoza, Acer, Cathay (Đài Loan); các tập đoàn kinh tế gia đình lớn (Chaebol) như Samsung, Hyundai, LG, SK, Daewoo (Hàn Quốc)… Sự lớn mạnh của những doanh nghiệp tư nhân này khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của KTTN trong thúc đẩy sáng tạo, cạnh tranh và tăng trưởng của quốc gia.

Song hành với sự phát triển của KTTN, một tầng lớp doanh nhân ưu tú cũng hình thành, đóng góp vào tiến bộ vật chất và xây dựng các giá trị tinh thần của xã hội. Ở Việt Nam, từ đầu thế kỷ XX, Hà Nội đã chứng kiến sự xuất hiện của nhiều doanh nhân tiêu biểu như Lương Văn Can, Bạch Thái Bưởi, Trịnh Văn Bô…Ở Sài Gòn, trước năm 1945, người dân quen thuộc với danh xưng "Tứ đại phú hộ": nhất Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Hỏa - những doanh nhân giàu có, giỏi kinh doanh và có tinh thần phụng sự đất nước. Những gương mặt này không chỉ là các nhà tư sản dân tộc, mà còn là những hình mẫu về đạo đức và văn hóa kinh doanh. Trong số đó, cụ Lương Văn Can (1854-1927) được xem như người thầy đầu tiên của giới doanh nhân Việt Nam - đã nhiều lần đề cao "Đạo làm giàu", gói gọn trong ba chữ: Tâm - Đạo - Đức. Cụ Bạch Thái Bưởi với biệt danh "vua tàu thủy", là người sớm nêu cao tinh thần dân tộc qua khẩu hiệu "Người Việt dùng hàng Việt", "Người ta thì đi tàu ta". Cụ Trịnh Văn Bô, nhà tư sản yêu nước, là người góp hơn 5.000 cây vàng cho Chính phủ trong Tuần lễ Vàng năm 1945. Những câu chuyện và tấm gương này minh chứng rằng, sự phát triển của KTTN luôn gắn với tinh thần dân tộc, khát vọng làm giàu chính đáng và trách nhiệm xã

hội.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, khu vực KTTN tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong nền kinh tế Việt Nam. Hiện nay, cả nước có khoảng 900.000 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động, cùng hơn 7 triệu doanh nhân và hộ kinh doanh. KTTN đóng góp gần 45% GDP, hơn 30% thu ngân sách, 40% vốn đầu tư toàn xã hội và tạo việc làm cho khoảng 85% lực lượng lao động. Riêng năm 2023, vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân đạt 1,92 triệu tỷ đồng, chiếm 56% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Bên cạnh dòng doanh nghiệp thành lập mới, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động cũng rất lớn, phản ánh những khó khăn và thách thức ngày càng phức tạp của môi trường kinh doanh.

KTTN cũng đang mở rộng hoạt động trong nhiều lĩnh vực đặc thù và đã hình thành một số doanh nghiệp có quy mô quốc gia, khu vực. Nhiều doanh nghiệp tư nhân có tốc độ quay vòng vốn nhanh, hiệu suất sử dụng vốn cao hơn so với khu vực kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, bức tranh phát triển của KTTN vẫn tồn tại những hạn chế, như: năng lực quản trị và công nghệ còn yếu; khó tiếp cận tín dụng; báo cáo tài chính thiếu minh bạch; chi phí kinh doanh cao; nhiều thủ tục và điều kiện kinh doanh vẫn phức tạp; còn xuất hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường, trốn thuế…

Từ những phân tích trên có thể thấy, mặc dù KTTN có vai trò to lớn, nhưng sự phát triển của khu vực này vẫn đối mặt nhiều thách thức. Do đó, hoàn thiện pháp luật và chính sách phát triển KTTN là yêu cầu khách quan và cấp thiết, nhất là trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu về KTTN và khung pháp luật

Trong những thập niên gần đây, KTTN và vai trò của khu vực này trong nền kinh tế thị trường đã trở thành chủ đề nghiên cứu quan trọng của nhiều học giả, tổ chức quốc tế và cơ quan hoạch định chính sách. Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, KTTN thường được xem là động lực trung tâm của tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Các nghiên cứu quốc tế tiêu biểu tiếp cận KTTN từ góc độ thể chế và cạnh tranh. Porter (1998) cho rằng, sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân có mối quan hệ mật thiết với việc hình thành lợi thế cạnh tranh quốc gia, trong đó môi trường pháp lý minh bạch và cạnh tranh là yếu tố then chốt. North (1990) nhấn mạnh vai trò của thể chế chính thức, đặc biệt là pháp luật và quyền tài sản, trong việc tạo động lực cho khu vực tư nhân phát triển bền vững.

Các báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2023) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD cũng khẳng định rằng, cải cách thể chế và hoàn thiện pháp luật kinh doanh là điều kiện tiên quyết để khu vực tư nhân phát huy tiềm năng, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế gắn liền với tiến trình đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW (2017) và Văn kiện Đại hội XIII, đã khẳng định KTTN là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, nhiều công trình khoa học tập trung phân tích vai trò, đóng góp của khu vực KTTN đối với tăng trưởng GDP, tạo việc làm và huy động nguồn lực xã hội.

Một số nghiên cứu trong nước tiếp cận KTTN dưới góc độ pháp luật và chính sách công, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng. Các tác giả chỉ ra rằng, mặc dù Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành đã từng bước được sửa đổi theo hướng tiến bộ, song vẫn tồn tại tình trạng chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa các quy định về đất đai, đầu tư, đấu thầu và tín dụng, làm gia tăng chi phí tuân thủ và hạn chế khả năng mở rộng của doanh nghiệp tư nhân.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy, phần lớn các nghiên cứu hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc phân tích từng khía cạnh riêng lẻ, hoặc tập trung vào mô tả thực trạng, mà chưa đặt vấn đề hoàn thiện pháp luật về KTTN trong một chỉnh thể thống nhất giữa thể chế, chính sách, bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững. Khoảng trống nghiên cứu này cho thấy sự cần thiết phải có những công trình mang tính hệ thống hơn, kết hợp giữa phân tích thực tiễn phát triển KTTN và đánh giá khung pháp luật điều chỉnh khu vực này. Đây chính là hướng tiếp cận mà bài viết lựa chọn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học kinh tế chính trị và khoa học pháp lý. Trước hết, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng nhằm phân tích vai trò của KTTN trong mối quan hệ với các thành phần kinh tế khác, cũng như trong tiến trình phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Phương pháp phân tích và tổng hợp được áp dụng để làm rõ thực trạng phát triển của khu vực KTTN, bao gồm những đóng góp chủ yếu, các hạn chế và

nguyên nhân của những hạn chế đó. Trên cơ sở tổng hợp các số liệu thống kê, báo cáo chính thức và các nghiên cứu trước đây, bài viết đánh giá một cách toàn diện vị thế của KTTN trong nền kinh tế quốc dân.

Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu kinh nghiệm phát triển KTTN và hoàn thiện pháp luật kinh doanh của một số quốc gia với thực tiễn Việt Nam, qua đó rút ra các bài học có giá trị tham khảo trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, phương pháp phân tích văn bản pháp luật được sử dụng để xem xét các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, đánh giá mức độ đồng bộ, tính minh bạch và khả năng thực thi của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu nêu trên, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và chính sách nhằm phát triển KTTN theo hướng hiệu quả, bền vững và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

4. Thực trạng phát triển KTTN ở Việt Nam

Thực tiễn phát triển của khu vực kinh tế KTTN trong những năm qua cho thấy, bên cạnh những đóng góp quan trọng cho tăng trưởng và việc làm, khu vực này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần sớm được khắc phục để phát triển bền vững và đóng góp lớn hơn cho nền kinh tế.

Điều dễ nhận thấy trước tiên là, năng lực nội tại của doanh nghiệp tư nhân còn thấp. Hạn chế về kỹ năng, trình độ sản xuất, trình độ công nghệ và năng lực quản trị dẫn đến năng suất lao động chưa tương xứng với tiềm năng. Không ít doanh nghiệp khó tiếp cận công nghệ hiện đại, chưa xây dựng được mô hình quản trị tiên tiến, khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

Cạnh đó, tiếp cận tín dụng là một rào cản lớn đối với khu vực KTTN. Doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc vay vốn từ ngân hàng hoặc tiếp cận các nguồn tín dụng nhà nước. Nguyên nhân vừa xuất phát từ các quy định pháp luật còn bất cập, thủ tục hành chính rườm rà, vừa do doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về tài chính và minh bạch hồ sơ. Trong đó, báo cáo tài chính thiếu rõ ràng, tình hình tài chính chưa vững chắc khiến doanh nghiệp khó tiếp cận đầu tư máy móc, công nghệ mới.

Ngoài ra, thể chế và chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh còn nhiều trở ngại. Một số văn bản pháp luật về đầu tư, đất đai, đấu thầu… vẫn chưa đồng bộ; nhiều ngành nghề kinh doanh còn ràng buộc điều kiện phức tạp; những biến tướng của "giấy phép con" vẫn tồn tại. Đây là yếu tố làm gia tăng chi phí kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân.

Việc tiếp cận và sử dụng đất đai cũng là vấn đề đáng chú ý. Doanh nghiệp tư nhân luôn gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng, bồi thường, thu hồi đất và các thủ tục liên quan. Những vướng mắc này làm chậm tiến độ dự án, tăng chi phí đầu tư và cản trở mở rộng sản xuất.

Bên cạnh đó, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, như trốn thuế, lách luật, gây ô nhiễm môi trường hoặc chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá… vẫn diễn ra ở một số nơi, làm méo mó môi trường kinh doanh và ảnh hưởng đến hình ảnh của khu vực KTTN.

Nhìn chung, những hạn chế trên là các yếu tố cản trở quá trình phát triển của KTTN. Việc khắc phục đòi hỏi phải có sự hoàn thiện mạnh mẽ hơn nữa của hệ thống pháp luật và chính sách, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

5. Khung pháp luật và chính sách hiện hành đối với KTTN

Kể từ khi thực hiện đường lối Đổi mới năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó khẳng định KTTN là một bộ phận cấu thành quan trọng. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong các kỳ Đại hội Đảng, được cụ thể hóa bằng nhiều chủ trương, chính sách và đặc biệt là được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho KTTN phát triển.

Khởi đầu là Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật Công ty 1990, đến các văn bản luật quan trọng như Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, rồi các văn bản luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Phá sản, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa… tất cả đã hình thành nên một khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ cho hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

Hệ thống các văn bản pháp luật này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh, tạo lập môi trường pháp lý cho doanh nghiệp tư nhân phát triển và góp phần khơi thông nguồn lực xã hội. Dù vậy, để KTTN thực sự trở thành một động lực của nền kinh tế, hệ thống pháp luật cần tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ, loại bỏ sự chồng chéo giữa các luật, bảo đảm tính minh bạch, dễ dự đoán và phù hợp với chuẩn mực của kinh tế thị trường hiện đại.

Với vai trò là một bộ phận đặc thù của nền kinh tế thị trường, KTTN cần được đặt trong mối quan hệ biện chứng với kinh tế nhà nước. Pháp luật phải vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân phát triển, vừa bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước trong những lĩnh vực thiết yếu. Đây chính là cơ sở để KTTN phát triển ổn định, lâu dài và đóng góp vào sự hưng thịnh của đất nước.

6. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và chính sách phát triển KTTN

Phát triển KTTN là yêu cầu mang tính quy luật khách quan trong nền kinh tế thị trường. KTTN phát triển cũng đồng nghĩa với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Vì vậy, trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò của khu vực này, cần thực hiện một hệ thống giải pháp toàn diện như sau:

Thứ nhất, cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là của các cấp quản lý. Xác định đúng vị trí, vai trò của KTTN trong mối quan hệ với kinh tế nhà nước là tiền đề quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển ổn định và lâu dài. Nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng, tạo ra môi trường thuận lợi để KTTN phát triển.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó, chế độ sở hữu là vấn đề cốt lõi. Việc hoàn thiện thể chế cần hướng đến đồng bộ hóa các yếu tố thị trường, bao gồm thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường đất đai, thị trường công nghệ và thị trường lao động, nhằm bảo đảm doanh nghiệp tư nhân có thể tiếp cận các nguồn lực một cách bình đẳng.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh doanh. Pháp luật cần bảo đảm quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng; tạo dựng một môi trường pháp lý thông thoáng, giảm tối đa các rào cản thủ tục, tạo dư địa sáng tạo và phát triển cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ tư, tạo cơ hội tiếp cận nguồn lực phát triển cho doanh nghiệp tư nhân; theo đó, vốn, đất đai, lao động, công nghệ và thông tin là những nguồn lực then chốt. Nhà nước cần có cơ chế phân bổ nguồn lực minh bạch, công bằng, chống "lợi ích nhóm" và chủ nghĩa thân hữu trong kinh doanh.

Thứ năm, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện cải cách theo tinh thần "ba giảm": giảm thời gian, giảm chi phí, giảm giấy tờ. Loại bỏ các thủ tục không cần thiết, cắt giảm sự can thiệp hành chính gây lãng phí thời gian và nguồn lực của doanh nghiệp. Triết lý "ngày càng ít Chính phủ hơn trong kinh doanh, và ngày càng nhiều kinh doanh hơn trong Chính phủ" cần được thấm sâu vào cải cách.

Thứ sáu, chú trọng các chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho doanh nghiệp. Trong ngắn hạn, giải quyết nhu cầu thiết thực như đất đai, tín dụng, thủ tục hành chính. Ở trung hạn, bảo đảm chính sách tài khóa, vĩ mô ổn định. Trong dài hạn, đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng, nguồn nhân lực, công nghệ và năng lực hội nhập quốc tế.

Thứ bảy, khuyến khích khởi nghiệp và liên kết doanh nghiệp. Tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, hình thành chuỗi cung ứng, thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.

Cuối cùng, xây dựng văn hóa kinh doanh cho doanh nghiệp tư nhân. Văn hóa kinh doanh phải gắn với trách nhiệm xã hội, khát vọng làm giàu chính đáng, tinh thần phụng sự cộng đồng và dân tộc. Đây là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững trong bối cảnh biến động toàn cầu và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

7. Kết luận

KTTN đã và đang được khẳng định là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường và là một trong những động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Thông qua việc tổng quan các nghiên cứu liên quan, phân tích thực trạng phát triển và đánh giá khung pháp luật hiện hành, bài viết đã làm rõ những đóng góp, hạn chế, cũng như các rào cản thể chế đang ảnh hưởng đến sự phát triển của khu vực KTTN.

Về mặt khoa học, bài viết góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu về KTTN dưới góc độ kinh tế chính trị và pháp luật kinh doanh, đồng thời chỉ ra khoảng trống nghiên cứu trong việc tiếp cận KTTN như một chỉnh thể gắn với thể chế, chính sách và bối cảnh quốc tế. Về mặt thực tiễn, các phân tích và kiến nghị trong bài viết cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách phát triển KTTN ở Việt Nam.

Từ góc độ hàm ý chính sách, kết quả nghiên cứu cho thấy, việc hoàn thiện pháp luật về KTTN cần được thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán và dài hạn, hướng tới bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng và tiếp cận công bằng các nguồn lực phát triển. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và biến động kinh tế - chính trị toàn cầu, một khuôn khổ pháp lý minh bạch, ổn định và thân thiện với doanh nghiệp sẽ là điều kiện then chốt để KTTN phát huy đầy đủ vai trò, đóng góp vào sự phồn vinh và hưng thịnh lâu dài của đất nước.

Tài liệu tham khảo

An, D. T. (2023). Private investment and economic development: Ensuring sustainability in the future. *Journal of Human, Earth, and Future, 4*(4), 424–442. https://doi.org/10.28991/HEF-2023-04-04-04

Aghion, P., & Howitt, P. (2009). *The economics of growth*. MIT Press. https://doi.org/10.7551/mitpress/7431.001.0001

Beck, T., Demirgüç-Kunt, A., & Levine, R. (2005). SMEs, growth, and poverty. *Journal of Economic Growth, 10*(3), 199–229. https://doi.org/10.1007/s10887-005-3533-5

Bird, R. M., & Zolt, E. M. (2008). Tax policy in emerging countries. *Environment and Planning C*, 26(1), 73–86. https://doi.org/10.1068/cav3

Ban Kinh tế Trung ương. (2017). Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hà Nội.

Celine, T. (2022). Private investments, public goods: Regulating markets for sustainable development. *European Business Organization Law Review, 23*, 241–271. https://doi.org/10.1007/s40804-021-00236-w

Coase, R. H. (1960). The problem of social cost. *Journal of Law and Economics, 3*, 1–44. https://doi.org/10.1086/466560

Djankov, S., La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., & Shleifer, A. (2002). The regulation of entry. *Quarterly Journal of Economics, 117*(1), 1–37. https://doi.org/10.1162/003355302753399436

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Easterly, W. (2001). *The elusive quest for growth*. MIT Press. https://doi.org/10.7551/mitpress/2621.001.0001

Freestone, D. (1994). The road from Rio. *Journal of Environmental Law, 6*(2), 193–218. https://doi.org/10.1093/jel/6.2.193

Grossman, G. M., & Krueger, A. B. (1995). Economic growth and the environment. *Quarterly Journal of Economics, 110*(2), 353–377. https://doi.org/10.2307/2118443

Hall, R. E., & Jones, C. I. (1999). Why do some countries produce so much more output per worker? *Quarterly Journal of Economics, 114*(1), 83–116. https://doi.org/10.1162/003355399555954

Judijanto, L., et al. (2024). Dynamics and concept of the role of law in sustainable development. *International Journal of Society Reviews*. https://injoser.joln.org/index.php/123/article/view/266

Kotchakorn, S. (2025). Sustainable development under the two-tier approach in public and private sector management. *Political Science and Public Administration Journal, 16*, 139–166. https://so05.tci-thaijo.org/index.php/polscicmujournal/article/view/278233

Lin, L. W., Cheng, J. H., & Lu, K. L. (2024). The impact of environmental protection, economic development, social responsibility and governance on sustainable development. *Discover Sustainability, 5*, 497. https://doi.org/10.1007/s43621-024-00705-5

Li, F., Na, P., Mahmood, S., Wang, X., & Ahmed, T. (2025). State ownership and sustainable development of private enterprises. *SAGE Open*. https://doi.org/10.1177/21582440251321848

Micklitz, H. W. (2015). *The many concepts of social justice in European private law*. Edward Elgar. https://doi.org/10.4337/9781783477765

Mouawad, J. (2025). Environmental law and circular business models: A systematic review. *Discover Sustainability*. https://doi.org/10.1007/s43621-025-02282-7

North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678

OECD. (2021). *Private finance for sustainable development*. https://doi.org/10.1787/9a87a1a2-en

Porter, M. E., & van der Linde, C. (1995). Toward a new conception of environment-competitiveness relationship. *Journal of Economic Perspectives, 9*(4), 97–118. https://doi.org/10.1257/jep.9.4.97

Quốc hội. (2013). Luật Đất đai. Hà Nội.

Quốc hội.Luật Đất đai (sửa đổi) 2024.

Quốc hội. (2020). Luật Doanh nghiệp. Hà Nội.

Quốc hội. (2020). Luật Đầu tư. Hà Nội.

Rodrik, D. (2007). *One economics, many recipes*. Princeton University Press. https://doi.org/10.1515/9781400837583

Saraiva, R., & Pardal, P. A. (2024). *Sustainable finances and the law*. Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-031-49460-4

Stiglitz, J. E. (2000). Economics of the public sector. W.W. Norton.

Tan, C. (2022). Private investments and sustainable

development governance. *European Business Organization Law Review.* https://doi.org/10.1007/s40804-021-00236-w

United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 agenda for sustainable development.* https://sdgs.un.org/2030agenda

Voigt, S. (2013). How (not) to measure institutions. *Journal of Institutional Economics, 9*(1), 1–26. https://doi.org/10.1017/S1744137412000148

Widjaja, G. (2025). Economic efficiency and sustainability from a national legal perspective. *International Journal of Financial Economics.* https://wikep.net/index.php/IJEFE/article/view/1031

World Bank. (2020). *Doing business 2020*. https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1440-2

World Bank. (2022). *World development report: Finance for an equitable recovery*. https://www.worldbank.org

Zhang, D., & Wang, Z. (2021). Law, finance and sustainable development. *Journal of Cleaner Production, 279*, 123747. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.123747

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG VÀ THỊNH VƯỢNG

Ngô Quốc Kỳ[a]
Phạm Văn Đàm[b]

[a,b]Trường Đại học Trưng Vương

ROR ID: https://ror.org/05xzsm645

[a]Email: quockyngo@gmail.com

ORCID iD: https://orcid.org/0009-0002-2495-8814

[b]Email: luatsuhoangdam@gmail.com

ORCID iD: https://orcid.org/0009-0003-0978-6134

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài:	28/11/2025
Ngày phản biện:	18/02/2026
Ngày tác giả sửa:	18/3/2026
Ngày duyệt đăng:	26/3/2026
Ngày phát hành:	30/3/2026

DOI: https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i5.a91

Tóm tắt:

Khu vực kinh tế tư nhân giữ vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế thị trường, đồng thời được xác định là một trong những động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, bài viết phân tích quá trình hình thành và phát triển, những đóng góp thực tiễn, cũng như các hạn chế và yêu cầu đổi mới của khu vực kinh tế tư nhân trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến động kinh tế toàn cầu.

Thông qua việc vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và phân tích pháp luật, bài viết đánh giá khung pháp luật và chính sách hiện hành điều chỉnh hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân, từ đó chỉ ra những bất cập và rào cản cần được tháo gỡ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách, hướng tới phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành một trụ cột vững chắc của nền kinh tế quốc dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong bối cảnh mới.

Từ khóa: *Kinh tế tư nhân; Pháp luật kinh doanh; Cải cách thể chế; Doanh nghiệp; Chính sách kinh tế.*